TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-02-2022
V/v: Ly hôn, nuôi con giữa
anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Ông Lê Quang Bảo

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Bùi Phương Thảo – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Xóm Mỹ Lợi 2, thôn Phụ Long, xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Xóm Mỹ Lợi 2, thôn Phụ Long, xã Nam Phong, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh H, chị T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 14-01-2022, bản tự khai ngày 18-01-2022 và trong quá trình hòa giải, nguyên đơn là anh Trần Mạnh H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Trần Thị T tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố N vào ngày 31-10-2000. Sau khi kết hôn anh chị chung sống bình thường đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách nên xảy ra cãi nhau. Mặc dù vợ chồng đã cố gắng hòa giải, nói chuyện để cải thiện mối quan hệ nhưng không có kết quả. Từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân

mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Trần Thị T.

- *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là Trần Đức D, sinh ngày 03-9-2001 và Trần Tuấn P, sinh ngày 11-11-2007. Cháu Trần Đức D đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Trần Tuấn P hiện đang ở cùng với chị T nên anh giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 15-02-2022 anh Trần Mạnh H xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại các buổi làm việc ở Tòa án.

2. Tại bản tự khai ngày 18-01-2022 và trong quá trình hòa giải, xét xử bị đơn là chị Trần Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Trần Mạnh H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 31-10-2000 tại UBND xã N, thành phố N. Thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn giống như anh H trình bày chị không bổ sung gì. Chị xác nhận từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn tình cảm với nhau nhưng chị chỉ đồng ý ly hôn với anh H sau khi vợ chồng thỏa thuận xong về tài sản chung, chị mong muốn anh H chờ con trai là cháu Trần Đức Duy chấp hành án xong rồi mới giải quyết ly hôn để làm chỗ dựa tình thần cho con.

- *Về con chung*: Anh chị có hai con chung là Trần Đức D, sinh ngày 03-9-2001 và Trần Tuấn P, sinh ngày 11-11-2007. Cháu Trần Đức D đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Trần Tuấn P hiện đang ở cùng với chị nên chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Về cấp dưỡng nuôi con: anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 22-02-2022 chị Trần Thị T xin vắng mặt tại phiên tòa và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải tại Tòa án.

3. Tại đơn đề nghị ngày 18-01-2022 cháu Trần Tuấn P, sinh ngày 11-11-2007 trình bày quan điểm muốn được ở với mẹ là chị Trần Thị T nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại đơn đề nghị của anh Trần Mạnh H ngày 14-01-2022, chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, thành phố N vào năm 2000. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống nên anh chị đã ly thân được 5 năm nay. Anh chị có 02 con

chung là Trần Đức D, sinh ngày 03-9-2001 và Trần Tuấn P, sinh ngày 11-11-2007.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố N vào ngày 31-10-2000 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống. Từ những mâu thuẫn trên mặc dù anh chị đã có biện pháp giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả dẫn đến việc vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau từ năm 2016 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để hai bên đoàn tụ. Chị T có quan điểm không đồng ý ly hôn vì con chung là cháu Trần Đức D đang chấp hành án, chị muốn vợ chồng làm chỗ dựa tình thần cho con nhưng anh H không đồng ý đoàn tụ. Tại phiên tòa anh H và chị T vắng mặt nhưng đã có lời khai vẫn giữ nguyên quan điểm trình bày tại bản tự khai và tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân của anh H và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T.

[2.2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Trần Đức D, sinh ngày 03-9-2001 và Trần Tuấn P, sinh ngày 11-11-2007.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Tuấn P có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn; Anh H và chị T cũng thỏa thuận giao cháu Trần Tuấn P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử giao con chung là Trần Tuấn P cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cháu Trần Đức D đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H là nguyên đơn nên phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Tuấn P, sinh ngày 11-11-2007. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Mạnh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Mạnh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh Trần Mạnh H đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005135 ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì anh Trần Mạnh H và chị Trần Thị T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND xã N (ĐK ngày 30-10-2000)
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hiền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Hiền